

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 03 năm 2025
V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tênh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hà Văn Sơ
- Ông Cầm Văn Tổ

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Tường Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2025 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trường Thị T, sinh năm 1998. Địa chỉ: Bản S S , xã S P , huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Vĩ Chí C, sinh năm 1992. Địa chỉ: Bản S T , xã Ch B , huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có ý kiến xin được xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trường Thị T trình bày như sau:

Chị và anh Vĩ Chí C kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2018 do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai anh chị đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp

luật. Anh chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Song Pe, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La vào ngày 02/03/2022 và được hai bên gia đình đồng ý, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hòa thuận hạnh phúc. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau hay xảy ra cãi vã, hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải khuyên bảo nhưng không thành, sau đó anh chị đã sống ly thân từ tháng 05/03/2022, trong thời gian ly thân anh chị cũng không quan tâm hay hỏi han gì nhau. Nay chị xác nhận tình cảm vợ chồng không còn không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Vì Thị Trúc Hân, sinh ngày 18/05/2019, từ khi anh chị sống ly thân cháu Hân do chị nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Hân cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Nếu được nuôi dưỡng chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vì Chí C trình bày như sau:

Anh và chị Trường Thị T kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Song Pe, huyện Bắc Yên vào năm 2018 và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi đăng ký kết hôn, hai anh chị chung sống cùng gia đình chồng được một thời gian thì anh chị xin đi làm công nhân. Sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chị T bỏ về bên ngoại sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022, trong thời gian ly thân anh chị cũng không quan tâm hay hỏi han gì nhau. Nay chị T có đơn xin ly hôn với anh, anh hoàn toàn đồng ý ly hôn. Anh C có ý kiến xin được vắng mặt, hiện nay anh đang đi làm không xin nghỉ để về tham gia làm việc tại Tòa vì vậy anh xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc cũng như xét xử tại Tòa.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Vì Thị Trúc Hân, sinh ngày 18/02/2019. Từ khi anh chị sống ly thân cháu Hân do chị T nuôi dưỡng. Nay vợ chồng ly hôn anh đồng ý giao cháu Hân cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T chưa yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về

tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, về con chung và tài sản chung, nợ chung của chị T và anh C.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải nhưng bị đơn không thể tham gia hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự và được đưa ra xét xử.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trường Thị T và anh Vì Chí C. Về con chung, giao cháu Vì Thị Trúc Hân, sinh ngày 18/5/2019 cho chị Trường Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh Vì Chí C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung và nợ chung: không có. Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Trường Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Vì Chí C có địa chỉ nơi cư trú tại: Bản Sàng Tre, xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự để hòa giải nhưng các đương sự vắng mặt và có đơn đề nghị không hòa giải. Do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ **Điều 227, Điều 238** Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trường Thị T và anh Vì Chí C.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] *Về hôn nhân:* Chị Trường Thị T và anh Vì Chí C tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2018, anh chị đã được UBND xã Song Pe, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/03/2018. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh chị đều cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến rạn nứt tình cảm. Do không giải quyết được bất đồng, anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị không còn quan tâm đến nhau. Nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không thể quay về chung sống, chị T và anh C đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Qua xác minh xác minh tại ban quản lý bản Sàng Tre, xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn được biết: Chị T hộ khẩu thường trú ở bản Suối Song, xã Song Pe, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La, anh C khẩu ở bản Sàng Tre, xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, anh chị chưa nhập chung khẩu, hai vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2022 chị T ít khi về bản Sàng Tre. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh C đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn, khẳng định mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trường Thị T và anh Vì Chí C, xử cho chị T được ly hôn với anh C.

[2.2] *Về con chung:* Chị T và anh C đều xác nhận có 01 con chung là cháu Vì Thị Trúc Hân, sinh ngày 18/5/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh chị đều thống nhất trường hợp ly hôn, chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Hân cho đến khi cháu trưởng thành, Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

[2.3] *Về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân:* Chị T và anh C thống nhất xác nhận không có tài sản chung. Do đó Tòa án không xem xét.

[2.4] *Về nợ chung trong thời kỳ hôn nhân:* Chị T và anh C thống nhất xác nhận không có nợ chung. Do đó Tòa án không xem xét.

[2.5] *Về án phí:* Chị Trường Thị T thuộc trường hợp người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên cần miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trường Thị T và anh Vĩ Chí C.

2. Về con chung: Giao cháu Vĩ Thị Trúc Hân, sinh ngày 18/05/2019 cho chị Trường Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Ghi nhận chị Trường Thị T không yêu cầu anh Vĩ Chí C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Sau khi ly hôn, anh C được quyền thăm nom con theo quy định, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

4. Về án phí: Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị T.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Ủy ban nhân dân xã Song Pe, huyện Bắc Yên;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tráng A Tênh

THẨM
M
PHÁN
—
CHỦ
TỌA
PHIÊN
N
TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ